

Số: /QĐ-TTT

Khánh Hòa, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Thanh tra tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Thanh tra tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Văn phòng Thanh tra tỉnh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025, Văn phòng tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Thanh tra tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- KBNN khu vực XIV;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT TTT (công khai);
- Lưu: VT, KT.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Như Hoa

PHỤ LỤC**BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số /QĐ-TTT ngày /11/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Mã ĐVSDNS: 1040021

Chương 437 Khoản 341

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.785.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	
	Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	
	Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	
1.3	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	Kinh phí trang bị ô tô (từ 07 đến 08 chỗ ngồi, 02 cầu) phục vụ công tác chung	1.785.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi lĩnh vực công nghệ thông tin	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0
9.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0